

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24 /2021/HNGĐ - ST
Ngày: 02 - 02 - 2021
V/v ly hôn;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thư

Ông Trịnh Quang Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 202/2020/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2020 về việc: “ *Ly hôn* ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Cao Thị T – sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn Th, xã P, huyện H, Thanh Hóa; (có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T – sinh năm: 1965

Địa chỉ: Thôn Th, xã P, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 11 năm 2020, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Bà Cao Thị T có quan điểm trình bày như sau:

Bà Cao Thị T và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng, trước khi đi đến kết hôn với nhau, ông bà được tự do tìm hiểu, việc kết hôn là tự nguyện, có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H vào năm 1988. Sau khi kết hôn ông, bà sống hòa thuận nhưng khoảng được một vài năm thì vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T thường xuyên có lời lẽ thô tục chửi bới, đánh đập bà T nên đã nhiều lần thôn và xã can thiệp nhưng tính tình ông T không thay

đổi. Năm 2017, ông T có hành vi đánh đập bà T, khi bà T báo Công an xã xuống làm việc thì ông T có hành vi chống người thi hành công vụ. Sau đó ông T bị kết án về tội “Chống người thi hành công vụ” nên phải đi tù. Năm 2019 ông T mãn hạn tù trở về địa phương nhưng vợ, chồng vẫn hay xảy ra mâu thuẫn và thường xuyên đánh đập bà T. Mặc dù bà đã cố gắng chịu đựng nhưng ông T vẫn không chịu thay đổi bản thân. Nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, không còn tình cảm thương yêu lẫn nhau, nên bà T đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông T và bà T có với nhau 03 người con chung, cháu đầu là anh Nguyễn Văn Th, sinh ngày 04/8/1990, cháu thứ hai là anh Nguyễn Văn Th -1, sinh ngày 12/5/1992 và chị Nguyễn Thị V, sinh ngày 01/4/1996, hiện nay các con ông bà đã thành niên, có cuộc sống tự lập, tự quyết định được cuộc sống.

Về tài sản chung: Bà Cao Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Ông Nguyễn Văn T có quan điểm trình bày:

Trong đơn khiếu nại không ghi ngày, tháng, năm, gửi Tòa án, ông Nguyễn Văn T cho rằng, ông và bà Cao Thị T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông đi tù cũng là vì do bà T, trong cuộc sống thì bà T hay đua đòi, từ năm 2007 đến năm 2017 thì Bà T bỏ nhà đi đâu mới về, có lần bà T bắt gặp ông T ăn nhậu với anh em con dì và anh bác vợ, rồi sau đó lại đóng cửa bỏ đi đâu vài tháng. Bà T còn làm đơn kể lể với mẹ ông ăn không, nói có, rồi báo Công an xã bắt ông phải đi tù, hết một năm tù ông về thì bà lại dỗ ông ở nhà để bà T đi làm ăn, một tháng Bà T mới về một lần, bà T dỗ ông như đứa trẻ lên ba. Thời gian chín năm rưỡi trời mình ông ở nhà làm ruộng mệt mỏi, thậm chí còn kinh khinh, chê ông già, xấu, chê ông ngu. ông thấy bà T là quá ngạo mạn, lạnh lùng nên ông không thể chịu nổi. Những điều ông nói là người thật, việc thật, ông không muốn tan đàn, xẻ nghé, mong Tòa án soi xét. Ngoài quan điểm phản ánh trên thì ông không có quan điểm trình bày khác.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có mặt tại nơi cư trú nhưng không có mặt để giải quyết vụ án, không tham gia hòa giải do Tòa án tiến hành, nhiều lần vắng mặt không có lý do. Qua xác minh tại địa phương thì được biết, ông Nguyễn Văn T và bà Cao Thị T đã phát sinh mâu thuẫn từ nhiều năm nay, ông T có hành vi bạo lực gia đình, hay chửi bới, đánh đập bà T, gây mất an ninh trật tự. Thời gian mấy năm gần đây cứ uống rượu vào là gây sự, đánh đập bà T, đã nhiều lần chính quyền địa phương nhắc nhở nhưng bản tính ông T không thay đổi, còn bà T do không chịu đựng được nên đã đi làm ăn.

Tại phiên tòa lần thứ hai, ông T vắng mặt không có lý do, bà T không thay đổi yêu cầu khởi kiện, vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn với ông T như đã trình bày trên.

Kết thúc phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về hướng giải quyết vụ án Viện kiểm sát đề nghị: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho bà Cao Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Ông, bà có ba người con chung, tại thời điểm giải quyết ly hôn, các con ông, bà đều đã thành niên nên không xem xét giải quyết về quyền yêu cầu nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu giải quyết, ông T vắng mặt nên không có quan điểm về tài sản nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Cao Thị T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, và đề nghị hướng giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện H có đủ cơ sở nhận định.

[1]. Về pháp luật tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là “ Ly hôn ” quan hệ pháp luật được xác định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại xã P, huyện H, nên vụ án được xem xét, giải quyết theo thẩm quyền tại các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc trường hợp không T hành hòa giải được do một trong các bên đương sự vắng mặt. Căn cứ vào Điều 203, 227, 228 và Điều 233 của BLTTDS, Tòa án nhân dân huyện H đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho đương sự trong vụ án.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn: Bà Cao Thị T và ông Nguyễn Văn T có quan hệ là vợ chồng, hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H vào năm 1988. Tại thời điểm đăng ký kết hôn cả ông T và Bà T không vi phạm quy định về độ tuổi và các điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy, thời kỳ hôn nhân của ông T, bà T phát sinh từ khi đăng ký kết hôn và được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn: Năm 1988, ông T, bà T chính thức đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng đã có con chung nhưng cuộc sống hôn nhân không được hạnh phúc và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do ông T, không chịu khó làm ăn, không chăm lo gia đình, hay chửi bới, đánh đập bà T. Thậm chí còn bị kết án về hành vi chống người thi hành công vụ. Việc mâu thuẫn gia đình đã được các đoàn thể địa phương nơi cư trú khuyên ngăn hòa giải. Tuy nhiên, cuộc sống hôn nhân vẫn không được cải thiện mà mâu thuẫn vợ chồng còn trầm trọng hơn. Bằng chứng là thời gian gần đây ông T vẫn thường xuyên có hành vi bạo lực, đánh đập bà T, nguyên nhân này qua xác minh đã được đại phương phản ánh. Nay thấy lý do xin ly hôn của bà T là

hoàn toàn có căn cứ. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về ly hôn của bà T, buộc các bên phải chấm dứt quan hệ hôn nhân như hiện nay là phù hợp.

[4] Về con chung: Xét thấy trong thời kỳ hôn nhân, ông T và bà T có với nhau 03 người con chung, tại thời điểm giải quyết ly hôn, các con của ông, bà đều đã thành niên nên không xem xét giải quyết.

[5] *Về tài sản chung*: Bà T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên miễn xét.

[6] *Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bà T phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai số: AA/2018/0008140 ngày 24 tháng 11 năm 2020.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. (Ban hành kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án),

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Cao Thị T, bà T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về quyền nuôi con, yêu cầu giải quyết tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Cao Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, số tiền phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2019/0008140 ngày 24/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. (bà T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm).

Án xử công khai, có mặt bà T vắng mặt ông T, Bà T được quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T được quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niên yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện H;
- Đường sự
- Chi cục THADS H .
- UBND xã P;
- Lưu HSVA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghi